

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 24



CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gò Đàng ("Công ty"/"Công ty mẹ") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã quản lý Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là:

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Đạo	Chủ tịch
Ông Lê Quang Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Lê Sơn Tùng	Thành viên
Ông Trần Xuyên Giáo	Thành viên
Ông Trương Thành Dũng	Thành viên (từ nhiệm ngày 06/01/2012)
Ông Nguyễn Công Bình	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Ngọc Sơn	Thành viên
Bà Trương Thị Thuý	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đạo	Tổng Giám đốc
Ông Lê Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuyên Giáo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tùng Dương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thanh Trúc	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc đã cam kết với Hội đồng quản trị rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Thay mặt Hội đồng quản trị

Nguyễn Văn Đạo
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 16 tháng 02 năm 2012

Số: 84/DFK-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Gò Đàng và các Công ty con
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Gò Đàng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Gò Đàng ("Công ty") và các Công ty con ("Nhóm Công ty") bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 16 tháng 02 năm 2012, từ trang 04 đến trang 24 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu.

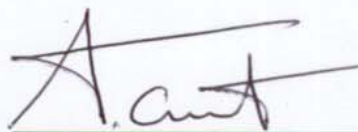
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên: Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gò Đàng và các Công ty con tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, và được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Lương Nhân
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam
Tp. HCM, ngày 16 tháng 02 năm 2012



Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0985/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. Tài sản ngắn hạn	100		481.089.622.990	289.108.785.943
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	33.118.243.699	9.787.790.083
1. Tiền	111		8.268.243.699	9.787.790.083
2. Các khoản tương đương tiền	112		24.850.000.000	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	463.500.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	526.425.308
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(62.925.308)
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.02	175.611.731.121	94.523.444.789
1. Phải thu khách hàng	131		77.148.317.166	62.617.522.530
2. Trả trước cho người bán	132		77.433.210.269	8.530.598.121
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		23.924.396.928	26.269.517.380
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.894.193.242)	(2.894.193.242)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.03	259.347.350.920	176.963.493.411
1. Hàng tồn kho	141		259.347.350.920	176.963.493.411
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		13.012.297.250	7.370.557.660
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.218.433.483	2.941.791.435
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.177.762.339	3.493.085.639
3. Các khoản thuế phải thu	152		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.04	1.616.101.428	935.680.586
B. Tài sản dài hạn	200		191.635.111.483	169.612.958.630
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		184.764.454.942	164.685.340.465
1. TSCĐ hữu hình	221	V.05	125.152.333.585	122.332.859.744
- Nguyên giá	222		181.963.205.140	159.770.192.906
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.810.871.555)	(37.437.333.162)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.06	38.936.647.918	37.123.142.169
- Nguyên giá	228		41.060.900.789	38.284.867.779
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.124.252.871)	(1.161.725.610)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	20.675.473.439	5.229.338.552
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		6.521.062.323	4.519.758.244
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	6.521.062.323	4.519.758.244
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<i>VI. Lợi thế thương mại</i>	269	V.09	349.594.218	407.859.921
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		672.724.734.473	458.721.744.573



CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT


Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

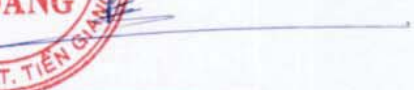
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. Nợ phải trả	300		389.528.929.258	290.291.586.068
I. Nợ ngắn hạn	310		389.528.929.258	281.052.586.068
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	332.017.942.731	224.247.553.006
2. Phải trả cho người bán	312		37.443.769.803	40.580.665.718
3. Người mua trả tiền trước	313		2.023.536.352	2.610.086.826
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.11	2.647.475.308	465.445.524
5. Phải trả công nhân viên	315		5.008.720.093	3.069.606.425
6. Chi phí phải trả	316	V.12	2.320.678.667	2.442.709.721
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	7.893.125.774	6.991.820.514
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		173.680.530	644.698.334
II. Nợ dài hạn	320		-	9.239.000.000
1. Vay và nợ dài hạn	324		-	9.239.000.000
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.14	283.195.805.215	168.430.158.505
I. Vốn chủ sở hữu	410		283.195.805.215	168.430.158.505
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		119.999.300.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.306.910.000	31.306.550.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	1.654.633.488
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.855.356.319	4.728.367.679
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		149.034.238.896	50.740.607.338
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		672.724.734.473	458.721.744.573

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2011	31/12/2010
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gởi	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gởi NH - USD	210.445,63	47.169,36
Ngoại tệ tiền mặt và tiền gởi NH - EUR	7.619,04	3.653,50
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-


NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ
 Kế toán trưởng
 Ngày 16 tháng 02 năm 2012




NGUYỄN VĂN ĐẠO
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		848.771.411.216	597.525.446.317
2. Các khoản giảm trừ	03		9.794.844.053	2.694.751.600
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	838.976.567.163	594.830.694.717
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	604.229.501.231	468.471.779.182
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		234.747.065.932	126.358.915.535
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	5.818.517.430	16.149.594.783
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	22.033.737.965	17.636.274.949
- Trong đó: lãi vay	23		18.806.399.683	14.540.255.332
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	67.802.543.587	62.704.471.958
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	17.723.102.983	18.144.466.839
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		133.006.198.827	44.023.296.572
11. Thu nhập khác	31	VI.07	3.214.293.960	2.955.126.446
12. Chi phí khác	32	VI.08	3.739.752.303	4.438.650.226
13. Lợi nhuận khác	40		(525.458.343)	(1.483.523.780)
14. Lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		132.480.740.484	42.539.772.792
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	1.679.494.367	-
17. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		130.801.246.117	42.539.772.792
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		130.801.246.117	42.539.772.792
21. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	12.658	5.317



NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

Kế toán trưởng

Ngày 16 tháng 02 năm 2012



NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	132.480.740.484	42.539.772.792
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	20.336.065.654	12.155.940.377
Các khoản dự phòng	03	(62.925.308)	2.675.880.950
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.743.004.542)	-
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(187.665.502)	(204.000.000)
Chi phí lãi vay	06	18.806.399.683	14.540.255.332
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	169.629.610.469	71.707.849.451
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(86.365.012.820)	(10.984.573.147)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(82.383.857.509)	(94.736.302.128)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	448.893.564	13.080.739.771
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(2.277.946.127)	(4.188.543.534)
Tiền lãi vay đã trả	13	(19.723.077.621)	(14.540.255.332)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(34.738.724)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	97.565.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(6.949.548.723)	(3.196.289.573)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(27.558.112.491)	(42.857.374.492)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(40.415.180.131)	(70.978.253.316)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(526.425.308)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	584.691.011	58.265.703
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	187.665.502	204.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(39.642.823.618)	(71.242.412.921)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.244.915.411.810	760.525.010.746
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.146.384.022.085)	(657.002.665.189)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(8.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	90.531.389.725	103.522.345.557
Lưu chuyển tiền thuần trong năm			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50	23.330.453.616	(10.577.441.856)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	60	9.787.790.083	20.395.952.196
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	30.720.257
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	33.118.243.699	9.787.790.083



NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ
 Kế toán trưởng
 Ngày 16 tháng 02 năm 2012



NGUYỄN VĂN ĐẠO
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Thông tin doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gò Đàng được chuyển đổi từ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Gò Đàng Tiền Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 530300064 ngày 11/5/2007 và thay đổi đến lần thứ 1 ngày 03/6/2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty, thông qua Công ty mẹ và các công ty con, có hoạt động chính là thu mua thủy sản; chế biến thủy sản; nuôi trồng thủy sản; dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; đầu tư tài chính; mua bán, cho thuê nhà máy, xí nghiệp, bất động sản.

3. Địa chỉ

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lô 45 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4. Các công ty con

Công ty có 05 (năm) công ty con, được hợp nhất trong báo cáo tài chính.

Tên Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	% Tỷ lệ lợi ích	% Quyền biểu quyết
Công ty TNHH TM Gò Đàng	Số 202/33 đường Cô Bắc, quận 1, TP.HCM	Thu mua hàng thủy sản	100	100
Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát	Lô 45, KCN Mỹ Tho, Tiền Giang	Sản xuất thủy sản	100	100
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	Lô 45, KCN Mỹ Tho, Tiền Giang	Thu mua hàng thủy sản	100	100
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long	Mỹ Thanh – Mỹ Phước – Mang Thít – Vĩnh Long	Sản xuất thức ăn thủy sản	100	100
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Bến Tre	Khu công nghiệp An Hiệp – Châu Thành – Bến Tre	Sản xuất thủy sản	100	100

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính của Công ty đã được dịch sang Tiếng Anh từ bản Báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt

2. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

III. Tóm tắt các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gò Đàng và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2011. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng giai đoạn với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

4. Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

7. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng (VND) được hạch toán theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu. Bộ Tài chính như sau:

8. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng hàng hoá tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm hàng hoá tồn kho có thể xảy ra dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

9. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

9.1 - Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	05 - 07 năm
Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
Tài sản cố định khác	03 - 06 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

9.2 - Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất được khấu theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và được ghi nhận như tài sản cố định vô hình.

10. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản liên quan.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

11. Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

12. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

13. Các quỹ của Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và sau khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính được lập nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm đầu tư mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho công nhân viên.

14. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Gò Đàng (Công ty mẹ) được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm đầu hoạt động và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi (năm 2006) và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo. Năm 2011 là năm thứ ba Công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 50%.

Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát và Công ty TNHH TM Thủy sản Việt Đức (các Công ty con) được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và thời gian miễn giảm thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 và Nghị định số 152/2004/NĐ-CP ngày 06/8/2006 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 164/2003/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và được hưởng các ưu đãi về đầu tư trên địa bàn tỉnh Tiền Giang theo quy định về khuyến khích, ưu đãi đầu tư đầu tư ban hành theo Quyết định số 66/2005/QĐ-UBND ngày 29/12/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Theo đó, Công ty tự xác định được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15%; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Công ty chỉ được hưởng các ưu đãi này nếu thực hiện đầu tư vào đúng lĩnh vực, địa bàn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và sử dụng số lao động bình quân trong năm ít nhất là 100 người. Năm 2011 là năm thứ hai Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát được miễn thuế.

Công ty TNHH TM Gò Đàng áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Công ty TNHH MTV Gò Đàng Bến Tre được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo. Năm 2011 Công ty đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang nên chưa phát sinh thu nhập chịu thuế.

Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2011 là năm đầu tiên Công ty áp dụng giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích lập các quỹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm cổ phiếu được mua bởi Nhóm Công ty mà đang được giữ như là cổ phiếu ngân quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích lập các quỹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, loại trừ các cổ phiếu phổ thông được Nhóm Công ty mua lại là cổ phiếu ngân quỹ cộng số lượng bình quân gia quyền của các cổ phiếu sẽ được phát hành cho việc chuyển đổi tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

17. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các chính sách tài chính và hoạt động của bên kia. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

<i>Phân loại theo tính chất</i>	31/12/2011	01/01/2011
Tiền mặt	3.032.337.430	3.177.138.330
Tiền gửi ngân hàng	5.235.906.269	6.610.651.753
Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 01 tháng	24.850.000.000	-
Cộng	33.118.243.699	9.787.790.083

<i>Phân loại theo bộ phận kinh doanh</i>	31/12/2011	01/01/2011
Công ty Cổ phần Gò Đàng	29.753.096.347	5.826.016.271
Công ty TNHH TM Gò Đàng	2.871.796.905	3.341.125.127
Công ty TNHH XNK TS An Phát	103.015.089	356.038.232
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	32.223.834	48.466.314
Công ty Cổ phần Gò Đàng Vĩnh Long	286.376.262	193.019.412
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Bến Tre	71.735.262	23.124.727
Cộng	33.118.243.699	9.787.790.083

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

	31/12/2011	01/01/2011
2. Các khoản phải thu ngắn hạn		
Phải thu khách hàng	77.148.317.166	62.617.522.530
Trả trước cho người bán	77.433.210.269	8.530.598.121
Phải thu khác	2.1 23.924.396.928	26.269.517.380
Cộng	<u>178.505.924.363</u>	<u>97.417.638.031</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.894.193.242)	(2.894.193.242)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	<u>175.611.731.121</u>	<u>94.523.444.789</u>
(2.1) Chi tiết các khoản phải thu khác:	31/12/2011	01/01/2011
Phải thu tiền cho mượn đến các cá nhân	9.664.650.000	10.000.000.000
Phải thu tiền hoàn thuế	2.684.205.624	4.939.297.053
Phải thu khác liên quan đến thi công công trình	9.114.225.000	10.559.350.600
Phải thu khác	2.461.316.304	770.869.727
Cộng	<u>23.924.396.928</u>	<u>26.269.517.380</u>
3. Hàng tồn kho		
<i>Phân loại theo tính chất</i>	31/12/2011	01/01/2011
Nguyên vật liệu	45.798.066.439	33.175.035.305
Công cụ, dụng cụ trong kho	5.309.896.601	4.631.645.176
Chi phí sản xuất dở dang	123.267.819.619	64.879.470.078
Thành phẩm tồn kho	77.899.862.510	71.751.306.234
Hàng hóa tồn kho	778.945.871	35.615.698
Hàng gửi đi bán	6.292.759.880	2.490.420.920
Cộng	<u>259.347.350.920</u>	<u>176.963.493.411</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	<u>259.347.350.920</u>	<u>176.963.493.411</u>
<i>Phân loại theo bộ phận kinh doanh</i>	31/12/2011	01/01/2011
Công ty Cổ phần Gò Đàng	259.347.350.920	176.783.614.407
Công ty TNHH TM Gò Đàng	-	179.879.004
Cộng	<u>259.347.350.920</u>	<u>176.963.493.411</u>
4. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
Tạm ứng nhân viên	1.416.471.528	698.506.345
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	199.629.900	237.174.241
Cộng	<u>1.616.101.428</u>	<u>935.680.586</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<i>Đơn vị tính: ngàn đồng</i>						
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2011	54.680.350	94.177.445	8.011.888	866.259	2.034.251	159.770.193
Tăng	13.285.076	6.594.758	795.250	635.271	882.659	22.193.012
Giảm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	67.965.426	100.772.203	8.807.137	1.501.530	2.916.909	181.963.205
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 01/01/2011	17.038.017	16.861.583	1.786.687	567.800	1.183.246	37.437.333
Tăng	9.368.364	8.455.334	1.003.580	208.178	338.084	19.373.540
Giảm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	26.406.382	25.316.916	2.790.266	775.978	1.521.331	56.810.872
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2011	37.642.333	77.315.863	6.225.201	298.459	851.004	122.332.860
Tại ngày 31/12/2011	41.559.044	75.455.287	6.016.871	725.551	1.395.579	125.152.332

Tại ngày 31/8/2010, Công ty Cổ phần Gò Đàng đã tiến hành mua lại 100% Công ty Cổ phần Hiệp Thanh V và đổi tên lại thành Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long. Khi tiến hành bàn giao quyền sở hữu, Công ty Cổ phần Hiệp Thanh V đã không cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng từ gốc chứng minh quyền sở hữu của mình đối với toàn bộ tài sản cố định hữu hình làm căn cứ để ghi sổ kế toán và tính khấu hao. Do vậy, Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long đã ghi nhận nguyên giá tài sản cố định bàn giao theo giá trị còn lại của tài sản cố định trên báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hiệp Thanh V tại ngày 31/8/2010 với số tiền là 32.443.103.188 đồng. Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long tiếp tục theo dõi về nguyên giá và trích khấu hao TSCĐ căn cứ trên số liệu này.

6. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2011	38.200.350.939	84.516.840	38.284.867.779
Tăng	2.181.825.000	594.208.010	2.776.033.010
Giảm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	40.382.175.939	678.724.850	41.060.900.789
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 01/01/2011	1.110.456.717	51.268.893	1.161.725.610
Tăng	896.372.362	66.154.899	962.527.261
Giảm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	2.006.829.079	117.423.792	2.124.252.871
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2011	37.089.894.222	33.247.947	37.123.142.169
Tại ngày 31/12/2011	38.375.346.860	561.301.058	38.936.647.918

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

	31/12/2011	01/01/2011
7. Xây dựng cơ bản dở dang		
Công trình khu nuôi cá	3.377.152.531	3.336.990.401
Mua sắm tài sản cố định	14.533.061.656	579.768.010
Các công trình khác	2.765.259.252	1.312.580.141
Cộng	20.675.473.439	5.229.338.552
8. Chi phí trả trước dài hạn		
Tiền thuê đất	651.556.992	622.031.864
Tiền thuê ao nuôi cá	2.394.218.385	2.410.266.831
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.475.286.946	1.487.459.549
Cộng	6.521.062.323	4.519.758.244

(8.1) Trả trước tiền thuê đất theo hợp đồng thuê lại đất số 10/HĐ-TLĐ ngày 31/12/2003 và phụ lục hợp đồng ngày 10/10/2007, diện tích thuê 5.000 m2 đất tại lô 45 khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Tiền Giang, thời hạn thuê từ ngày 18/12/2002 đến ngày 20/9/2047. Tổng giá trị tiền thuê là 50,000.00 USD.

	31/12/2011	01/01/2011
9. Lợi thế thương mại		
Lợi thế thương mại	349.594.218	407.859.921

Giá trị lợi thế thương mại được kết chuyển vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 10 năm bắt đầu từ năm 2008.

	31/12/2011	01/01/2011
10. Vay và nợ ngắn hạn		
Vay ngắn hạn - VND	17.300.248.180	94.042.531.180
Vay ngắn hạn - USD	188.938.702.640	62.973.284.018
Vay ngắn hạn - HKD	68.054.258.400	11.668.004.263
Vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu	57.724.733.511	50.643.733.545
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	4.920.000.000
Cộng	332.017.942.731	224.247.553.006

Chi tiết các khoản vay theo từng ngân hàng tại ngày 31/12/2011

Tên ngân hàng		Nguyên tệ			Quy ra VND
		USD	HKD	VND	
Eximbank - CN Hòa Bình	10.1	5.142.035	-	-	107.128.749.511
Sacombank - CN Tiền Giang	10.2	2.030.000	-	-	42.280.840.000
Phương Tây - CN Tiền Giang	10.3	1.178.000	-	-	24.535.384.000
HSBC (Việt Nam)	10.4	933.180	16.236.000	-	64.250.068.440
Vietcom bank - CN Tiền Giang	10.5	944.200	-	-	19.665.797.600
Đông Á - CN Tiền Giang	10.6	370.000	-	-	7.706.360.000
Teckcombank - Chi nhánh HCM	10.7	128.000	-	7.873.000.000	10.538.984.000
Ngân hàng ANZ (Việt Nam)	10.8	1.116.000	8.420.000	-	46.484.511.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	10.9	-	-	9.427.248.180	9.427.248.180
Cộng		11.841.415	24.656.000	17.300.248.180	332.017.942.731

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

10. Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)

(10.1) Vay từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - CN Hòa Bình bao gồm:

- Vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1007LAV201101080 ngày 19/8/2011; hạn mức vay: 50 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương; lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2011 là 2.372.000 USD. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là nguồn thu từ việc xuất khẩu, thành phẩm và hàng hoá của Công ty;

- Vay theo hình thức chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu với số tiền vay tại ngày 31/12/2011 là 2.770.035 USD.

(10.2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo hợp đồng tín dụng số LD 1033600041 ngày 02/12/2010; hạn mức tín dụng: 3,000,000 USD hoặc VNĐ tương đương; lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ khoảng 5%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là quyền đòi nợ và toàn bộ hàng hoá hình thành từ vốn vay và hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Gò Đàng.

(10.3) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Phương Tây - CN Tiền Giang theo hợp đồng tín dụng và phụ lục số 0407/2010/HĐHM-DN.TG ngày 19/7/2010; hạn mức tín dụng 50 tỷ đồng hoặc USD tương đương; lãi suất vay VNĐ là 12,89%/năm và lãi suất vay USD là 4,56%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này theo hợp đồng thế chấp số 0407/2010/HĐTC-DN.TG, 0410/2010/HĐTC-DN.TG, 0510/2010/HĐTC-DN.TG, 0610/2010/HĐTC-DN.TG.

(10.4) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH 1 thành viên HSBC Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số VNM CDT 111512 ngày 04/10/2011 với tổng hạn mức tín dụng: 2.800.000 USD hoặc tương đương VNĐ hay HKD; lãi suất cho vay cơ bản của thời hạn tương ứng cộng 2%/năm. Số dư nợ vay vào ngày 31/12/2011 là 694,274 US\$ và 4,350,243 HKD tương đương 24.493.779 ngàn đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- Hợp đồng thế chấp các khoản phải thu của Công ty trị giá 25.000.000.000 VNĐ;
- Hợp đồng thế chấp hàng hoá trong kho của Công ty trị giá 10.000.000.000 VNĐ và quyền thụ hưởng trong các hợp đồng bảo hiểm từ Công ty bảo hiểm Bảo Việt.
- Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị của Công ty và quyền sử dụng đất cùng với tài sản gắn liền với đất tại huyện Trung An, Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang với giá trị tối thiểu là 30.000.000.000 VNĐ.

(10.5) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) - CN Tiền Giang theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0164/TD2/11LD ngày 05/8/2011. Hạn mức tín dụng: 20 tỷ đồng; lãi suất vay theo từng lần nhận nợ cụ thể. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(10.6) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Tiền Giang theo các hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng số H002/3 ngày 29/11/2011; số tiền vay 80.000 USD; lãi suất vay 7,5%/năm và hợp đồng tín dụng số H003/3 ngày 29/12/2011; số tiền vay 290.000 USD; 7,2%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hoá tồn kho thành phẩm và các khoản phải thu thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Gò Đàng.

(10.7) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 62/11K/HĐHMTD/TCB-HCM ngày 01/12/2011; hạn mức tín dụng: 3,000,000 USD hoặc VNĐ tương đương; lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là quyền đòi nợ và toàn bộ hàng hoá hình thành từ vốn vay và hàng tồn kho

(10.8) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam theo hợp đồng tín dụng ngày 29/01/2011; hạn mức tín dụng: 2,000,000 USD hoặc VNĐ tương đương; lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Công ty TNHH Thương mại Gò Đàng; Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát cùng với thành phẩm, hàng hóa trong kho của Công ty có giá trị 10 tỷ đồng; giá trị các khoản phải thu của Công ty có giá trị 1.500.000 USD.

(10.9) Vay ngắn hạn từ cá nhân Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc với lãi suất vay dao động từ 0,9% - 1,1%/tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

11. Thuế và các khoản phải nộp	31/12/2011	01/01/2011
Thuế GTGT	866.390.908	437.199.926
Thuế xuất nhập khẩu phải nộp	61.960.394	28.245.598
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.644.755.643	-
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp	74.368.363	-
Cộng	2.647.475.308	465.445.524
12. Chi phí phải trả	31/12/2011	01/01/2011
Chi phí lãi vay phải trả	-	916.677.938
Chi phí phải trả khác	2.320.678.667	1.526.031.783
Cộng	2.320.678.667	2.442.709.721
13. Phải trả khác	31/12/2011	01/01/2011
BHXH, BHYT, BHTN	213.923.632	115.600.720
Tiền mượn các cá nhân và tổ chức không lãi suất	3.468.205.950	3.145.943.305
Phải trả nội bộ tập đoàn	0	0
Các khoản phải trả khác	4.210.996.192	3.730.276.489
Cộng	7.893.125.774	6.991.820.514

14. Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 119.999.300.000 đồng, được chia thành 11.999.320 cổ phần phổ thông, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ đông	Vốn đăng ký		Vốn góp thực tế	
	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị
Cổ đông sáng lập				
Nguyễn Văn Đạo	750.000	7.500.000.000	2.601.240	26.012.400.000
Nguyễn Thị Thanh Trúc	750.000	7.500.000.000	2.451.240	24.512.400.000
Lê Sơn Tùng	900.000	9.000.000.000	1.512.151	15.121.510.000
Nhóm cổ đông khác				
Công ty CP Sản xuất Thủy tinh V	-	-	2.422.013	24.220.130.000
Lê Thị Liêm	-	-	1.201.631	12.016.310.000
Cổ đông khác	9.599.930	95.999.300.000	1.811.655	18.116.550.000
Cộng	11.999.930	119.999.300.000	11.999.930	119.999.300.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

14. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 01/01/2011	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại ngày 31/12/2011
Vốn chủ sở hữu				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.000.000.000	39.999.300.000	-	119.999.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	31.306.550.000	-	(23.999.640.000)	7.306.910.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.654.633.488	25.222.665.529	(26.877.299.017)	-
Quỹ đầu tư phát triển	4.728.367.679	2.126.988.640	-	6.855.356.319
Lợi nhuận chưa phân phối	50.740.607.338	130.801.246.117	(32.507.614.559)	149.034.238.896
Cộng	168.430.158.505	198.150.200.286	(83.384.553.576)	283.195.805.215

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 19/6/2011, Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ bằng việc phát hành thêm 3.999.930 cổ phiếu tương đương 39.999.300.000 đồng theo các hình thức như sau:

	Số lượng cổ phiếu
Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn vốn thặng dư (Tỷ lệ 10:3)	2.399.964
Chia cổ tức bằng cổ phiếu thưởng (Tỷ lệ 5:1)	1.599.966
Cộng	3.999.930

Lợi nhuận chưa phân phối giảm do:

	Năm 2011	Năm 2010
Trích quỹ đầu tư phát triển	2.126.988.640	1.111.633.424
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.380.965.919	3.334.900.272
Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền	8.000.000.000	-
Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu	15.999.660.000	-
Cộng	32.507.614.559	4.446.533.696

b - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2011	Năm 2010
Vốn góp đầu kỳ	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	39.999.300.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	119.999.300.000	80.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	23.999.660.000	-

c - Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.999.930	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.999.930	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.999.930	8.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.999.930	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.999.930	8.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu thuần

<i>Phân loại theo tính chất</i>	Năm 2011	Năm 2010
Doanh thu bán hàng - Xuất khẩu	725.633.927.597	520.172.330.545
Doanh thu bán hàng - Trong nước	119.683.116.432	66.822.061.406
Doanh thu khác	3.454.367.187	10.531.054.366
Cộng	848.771.411.216	597.525.446.317
Trừ		
Giảm giá hàng bán	(76.661.760)	-
Hàng bán bị trả lại	(9.718.182.293)	(2.694.751.600)
Cộng doanh thu thuần	838.976.567.163	594.830.694.717

<i>Phân loại theo bộ phận kinh doanh</i>	Năm 2011	Năm 2010
Công ty Cổ phần Gò Đàng	803.934.152.232	495.125.452.474
Công ty TNHH TM Gò Đàng	74.570.991.746	98.813.840.025
Công ty TNHH XNK TS An Phát	213.972.121.620	813.362.218
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	5.354.625.055	78.040.000
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long	20.340.756.000	-
Điều chỉnh giảm doanh thu bán hàng nội bộ	(279.196.079.490)	-
Cộng doanh thu thuần	838.976.567.163	594.830.694.717

2. Giá vốn hàng bán

<i>Phân loại theo bộ phận kinh doanh</i>	Năm 2011	Năm 2010
Giá vốn hàng bán	604.229.501.231	468.471.779.182
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	604.229.501.231	468.471.779.182

<i>Phân loại theo bộ phận kinh doanh</i>	Năm 2011	Năm 2010
Công ty Cổ phần Gò Đàng	670.831.623.620	362.181.245.189
Công ty TNHH TM Gò Đàng	66.430.955.898	60.739.945.982
Công ty TNHH XNK TS An Phát	109.425.934.180	37.348.417.031
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	5.315.814.800	2.717.345.500
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long	13.821.252.223	5.484.825.480
Điều chỉnh giảm giá vốn bán hàng nội bộ	(261.596.079.490)	-
Cộng	604.229.501.231	468.471.779.182

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

3. Doanh thu hoạt động tài chính

<i>Phân loại theo tính chất</i>	Năm 2011	Năm 2010
Lãi tiền gửi	135.165.502	354.421.741
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.630.851.928	10.669.627.934
Cổ tức được chia	52.500.000	204.000.000
Bất lợi thương mại	-	4.874.997.791
Thu nhập tài chính khác	-	46.547.317
Cộng	5.818.517.430	16.149.594.783

<i>Phân loại theo bộ phận kinh doanh</i>	Năm 2011	Năm 2010
Công ty Cổ phần Gò Đàng	4.110.809.298	9.150.225.435
Công ty TNHH TM Gò Đàng	1.162.055.676	1.866.246.609
Công ty TNHH XNK TS An Phát	542.114.183	257.071.120
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	1.194.006	944.326
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long	2.344.267	109.502
Bất lợi thương mại	-	4.874.997.790
Cộng	5.818.517.430	16.149.594.783

4. Chi phí hoạt động tài chính

<i>Phân loại theo tính chất</i>	Năm 2011	Năm 2010
Chi phí lãi vay	18.806.399.683	14.540.255.332
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	181.304.000	62.925.308
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.978.460.563	2.211.645.617
Lỗ kinh doanh chứng khoán	67.573.719	821.448.692
Cộng	22.033.737.965	17.636.274.949

<i>Phân loại theo bộ phận kinh doanh</i>	Năm 2011	Năm 2010
Công ty Cổ phần Gò Đàng	17.205.732.241	13.511.805.096
Công ty TNHH TM Gò Đàng	543.017.417	1.571.027.350
Công ty TNHH XNK TS An Phát	2.229.973.698	2.553.442.503
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	793.506	-
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long	2.054.221.103	-
Cộng	22.033.737.965	17.636.274.949

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

5. Chi phí bán hàng

<i>Phân loại theo tính chất</i>	Năm 2011	Năm 2010
Chi phí vật liệu, bao bì	37.191.184.994	26.765.241.582
Chi phí vận chuyển, cước tàu ...	24.620.920.118	32.223.501.810
Chi hoa hồng môi giới	3.877.332.785	1.130.672.574
Chi phí bằng tiền khác	2.113.105.690	2.585.055.992
Cộng	67.802.543.587	62.704.471.958

<i>Phân loại theo bộ phận kinh doanh</i>	Năm 2011	Năm 2010
Công ty Cổ phần Gò Đàng	62.553.608.751	52.785.027.083
Công ty TNHH TM Gò Đàng	5.248.934.836	9.919.444.875
Cộng	67.802.543.587	62.704.471.958

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

<i>Phân loại theo tính chất</i>	Năm 2011	Năm 2010
Chi phí nhân viên quản lý	7.534.438.572	7.442.722.213
Chi phí công cụ dụng cụ	1.038.812.526	1.142.243.329
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.429.276.305	993.948.695
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	1.218.200.773
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.792.368.662	2.220.558.300
Lợi thế thương mại	58.265.703	58.265.703
Chi phí bằng tiền khác	5.869.941.215	5.068.527.826
Cộng	17.723.102.983	18.144.466.839

<i>Phân loại theo bộ phận kinh doanh</i>	Năm 2011	Năm 2010
Công ty Cổ phần Gò Đàng	14.696.147.141	14.097.573.014
Công ty TNHH TM Gò Đàng	1.952.528.003	3.441.357.172
Công ty TNHH XNK TS An Phát	144.464.381	354.215.178
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	3.974.015	4.109.741
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long	867.723.740	188.946.031
Lợi thế thương mại	58.265.703	58.265.703
Cộng	17.723.102.983	18.144.466.839

7. Thu nhập khác

	Năm 2011	Năm 2010
Thu nhập từ bán phế liệu	2.731.087.144	1.155.114.117
Thu hỗ trợ tiền bù lỗ	-	1.038.117.131
Các khoản cho thuê kho bãi, tiền phạt và các khoản khác	483.206.816	761.895.198
Cộng	3.214.293.960	2.955.126.446

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm 2011	Năm 2010
8. Chi phí khác		
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	-
Các khoản chi phí khác	3.739.752.303	4.438.650.226
Cộng	3.739.752.303	4.438.650.226
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Công ty Cổ phần Gò Đàng	1.398.337.312	-
Công ty TNHH XNK TS An Phát	27.370.453	-
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long	253.786.602	-
Các khoản chi phí khác	1.679.494.367	-
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	130.801.246.117	42.539.772.792
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	130.801.246.117	42.539.772.792
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	10.333.293	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.658	5.317
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên vật liệu	676.550.720.846	443.299.902.138
Chi phí nhân công	74.020.931.137	42.763.041.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.735.044.732	11.105.519.509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	407.485.657.205	145.308.377.887
Chi phí bằng tiền khác	54.942.072.304	55.085.712.376
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.233.734.426.224	697.562.553.310

VII. Các thông tin khác

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

2. Nghiệp vụ với các Bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm 2011	Năm 2010
		Cho mượn	-	10.000.000.000
Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên HĐQT	Thu cho mượn	335.350.000	-

Số dư công nợ với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	31/12/2011	01/01/2011
Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên HĐQT	Phải thu	9.664.650.000	10.000.000.000
Nguyễn Thị Thanh Trúc	Phó Tổng Giám đốc	Phải trả	(12.532.152.180)	(9.690.531.000)
Lê Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Phải trả	(261.902.000)	(1.695.517.000)

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ
Kế toán trưởng
Ngày 16 tháng 02 năm 2012



NGUYỄN VĂN ĐẠO
Tổng Giám đốc



Công ty Kiểm toán DFK Việt Nam – Thành viên Tập đoàn Kiểm toán Quốc tế DFK
DFK Vietnam Auditing Company – A Member of DFK International

Ho Chi Minh Office

No. 38/8 Lam Son, Tan Binh Dist.
Tel: 84 8 6296 8684
Fax: 84 8 6296 8679
Web: www.dfkvietnam.com

Hà Nội Office

Level 25, M3-M4 Building
No. 91, Nguyen Chi Thanh Street,
Dong Da District, Hanoi City
Tel: 84 4 6266 3006

Rep. Office in Ho Chi Minh

No. 426 Cao Thang, District 10,
Ho Chi Minh City, Vietnam.
Tel: 08 3868 3306/07
Fax: 08 3868 3378